

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ X
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2025/HNGĐ- ST

Ngày: 30 - 5 - 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ X, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tuyết Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Trọng M Thông;

2. Ông Hồ Lâm Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú X, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú X, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú X (Địa chỉ: 394 Đinh Tiên H, phường Thuận L, quận Phú X, thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1008/2024/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mã Thị Th, sinh năm 1986. Nơi ĐKTT: Tổ 8, Khu vực 3, phường An H, quận Phú X, thành phố H. Nơi ở hiện nay: Số nhà 15 (tổ 7) Khu ga thị trấn Đồng Đ, huyện Cao L, tỉnh Lạng S. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Tổ 8, Khu vực 3, phường An H, quận Phú X, thành phố H. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2024 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa chị Th xin vắng mặt nhưng bản tự khai ngày 21/3/2025 và biên bản hoà giải 29/4/2025 chị Th trình bày thì nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu 05 tháng, được gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và anh, chị đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường An H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H (nay là Ủy ban nhân dân phường An H, quận Phú X, thành phố H) ngày 13 tháng 4 năm 2010.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M ham chơi suốt ngày nhậu nhẹt, say xỉn, đánh đập chị và chị Th nhiều lần khuyên can nhưng anh M không thay đổi. Từ năm 2018 do không chịu đựng được nữa nên chị đưa hai con ra Lạng Sơn sinh sống với cha mẹ chị và từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm nhau, anh M thậm chí cũng không thăm hỏi con cái. Do vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh M.

- Về nuôi con chung: Chị Th xác nhận vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Thị Thuỳ D, sinh ngày 27/02/2010 và Nguyễn Thuỳ Tr, sinh ngày 21/11/2014. Khi ly hôn, chị xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến trưởng thành (đủ 18 tuổi) và cháu D, cháu Tr cũng có nguyện vọng ở với chị vì hiện nay cả hai con đang ăn học ổn định ở tỉnh Lạng Sơn. Chị Th không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi 02 con vì chị kinh doanh, thu nhập ổn định mỗi tháng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng và có chỗ ở ổn định là nhà cha mẹ chị nên đảm bảo nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ý kiến trình bày của anh M: Anh M xác nhận quá trình kết hôn và chung sống vợ chồng như lời trình bày của chị Th là hoàn toàn đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, anh đánh đập chị Th và thường xuyên uống bia rượu say xỉn nên chị Th bỏ nhà về quê ngoại ở Lạng Sơn sinh sống cùng cha mẹ chị và 02 con. Nhận thấy tình cảm vợ chồng hiện nay không còn nên anh M cũng đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh M xác nhận có 02 con chung như chị Th khai. Hiện nay hai con đang ở với chị Th, nhưng khi ly hôn anh có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung đến trưởng thành. Anh không đồng ý giao con cho chị Th nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi 02 con. Anh M khai hiện nay anh làm nghề sửa xe máy thu nhập chỉ đủ nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú X phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh M.

- Về nuôi con chung: Giao cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thuỳ D, sinh ngày 27/02/2010 và Nguyễn Thuỳ Tr, sinh ngày 21/11/2014 đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Th không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung là tự nguyện, nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th, anh M cùng xác nhận không có, nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc chị Th phải chịu 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự:

[1]. Về tố tụng: Chị Th xin ly hôn anh M cư trú tại phường An H, quận Phú X, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Th.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H (nay là quận Phú X, thành phố H) ngày 13/4/2010 nên hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh M ham chơi, thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, đánh đập chị Th, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh M không thay đổi. Nên từ năm 2018 chị Th và 02 con ra ở nhà cha mẹ chị tại tỉnh Lạng Sơn và từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm đến nhau. Phía anh M xác nhận vợ chồng không còn tình cảm nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Gia đình anh M cũng xác nhận anh M thường xuyên uống bia rượu, có đánh đập chị Th nên chị Th đưa hai con về nhà cha mẹ chị ở Lạng Sơn sinh sống từ năm 2018 cho đến nay.

Phía chính quyền địa phương cũng xác nhận anh M thường xuyên uống rượu bia, say xỉn, đánh đập chị Th và từ năm 2018 đến nay chị Th không sinh sống tại địa phương.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của chị Th, anh M mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được, nên việc chị Th yêu cầu ly hôn anh M là có đủ căn cứ chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Chị Th có nguyện vọng xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thuỳ D và Nguyễn Thuỳ Tr đến trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung. Anh M cũng có nguyện vọng xin trực tiếp nuôi 02 con chung đến trưởng thành và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay, chị Th có việc làm ổn định, thu nhập mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, có chỗ ở ổn định là nhà cha mẹ chị, phía anh M theo anh cũng như gia đình anh M đều thừa nhận anh M thường xuyên uống rượu bia, say xỉn, anh làm nghề sửa xe máy thu nhập chỉ đủ nuôi sống bản thân và còn xin tiền gia đình để chi tiêu thêm nên anh không đảm bảo điều kiện nuôi con. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường của 02 con thì phía chị Th đủ điều kiện nuôi 02 con và cháu D, cháu Tr cũng có nguyện vọng ở với chị, nên việc giao 02 con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật. Chị Th không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi 02 con là tự nguyện, nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh M xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th phải chịu 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Mã Thị Th ly hôn anh Nguyễn Văn M.

- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung cháu Nguyễn Thị Thuỳ D, sinh ngày 27/02/2010 và Nguyễn Thuỳ Tr, sinh ngày 21/11/2014 cho chị Mã Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Mã Thị Th không yêu cầu anh Nguyễn Văn M cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Mã Thị Th và anh Nguyễn Văn M xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mã Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền chị Th đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005602 ngày 15/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H (nay là Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú X, thành phố H).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được sửa đổi bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND quận Phú X;
- Chi cục THADS quận Phú X;
- UBND phường An H, quận Phú X (ĐKKH số 25 ngày 13/4/2010);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Tuyết Linh

